

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 367/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt mức hỗ trợ của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất
và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất
của đồng bào các dân tộc và miền núi thuộc Chương trình 135**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 08 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc và miền núi thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Thông tư số 79/2007/TT-BNN ngày 20 tháng 9 năm 2007, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 131/TTr-SNN ngày 26 tháng 02 năm 2008 (sau khi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân các huyện miền núi),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức hỗ trợ của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc và miền núi

thuộc Chương trình 135 để làm cơ sở lập, phê duyệt dự toán và thanh, quyết toán dự án.

Mức hỗ trợ cụ thể của từng nội dung theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp, Thủy sản; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Kim Anh

PHỤ LỤC

Mức hỗ trợ của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135
(Kèm theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2008
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung đầu tư	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ tối đa	Ghi chú
A	VỐN SỰ NGHIỆP			
I.	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất			
1.	Giống cây trồng			
1.1.	Cây lương thực (lúa, bắp,...)	triệu đồng/hộ/vụ	0,5	
1.2.	Cây công nghiệp ngắn ngày (đậu các loại)	triệu đồng/hộ/vụ	0,5	
1.3.	Giống cây mía	triệu đồng/hộ	02	
1.4.	Cây lâu năm, cây ăn quả (cam, xoài, mít,...)	triệu đồng/hộ	02	
1.5.	Cây lâm nghiệp (keo, bạch đàn,...)	triệu đồng/hộ	02	
2.	Giống vật nuôi			
2.1.	Giống gia súc			
	- Giống trâu, bò	triệu đồng/hộ	03	
	- Giống heo, dê	triệu đồng/hộ	01	
2.2.	Giống gia cầm (gà, vịt,...)	triệu đồng/hộ	0,5	
2.3.	Giống cá nước ngọt	triệu đồng/hộ	0,5	
3.	Vật tư sản xuất			
	Phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư khác.	triệu đồng/hộ/vụ	0,4	
II.	Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công			
1.	Tuyên truyền các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường, giá cả, in ấn, phát hành và phổ biến tới các hộ nông dân một số quy trình kỹ thuật sản xuất cây trồng, vật nuôi, bảo quản, chế biến nông, lâm sản,...	triệu đồng/xã/năm	02	
2.	Bồi dưỡng, tập huấn, truyền nghề để nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	triệu đồng/xã/năm	03	40-50 người/lớp
3.	Tổ chức tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm sản xuất	triệu đồng/đợt	20	

	trong và ngoài địa phương			
III.	Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất			
1.	Mô hình chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất			
	- Đối với giống	Chi phí %/mô hình	100	
	- Đối với vật tư chính	Chi phí %/mô hình	100	
	- Diện tích mô hình			
	+ Các loại cây trồng ngắn ngày	Ha/mô hình/xã	01	
	+ Cây ăn quả	Ha/mô hình/xã	0,5	
	+ Nuôi trồng thủy sản	Ha/mô hình/xã	0,2	
B	VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			
I.	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất và chế biến bảo quản sản phẩm			hỗ trợ cho nhóm hộ
1.	Máy, thiết bị phục vụ bảo quản, chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp	Giá trị %/ph. tiện	100	hộ nghèo
		Giá trị %/ph. tiện	70	hộ khác
2.	Công cụ, máy móc phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp	Giá trị %/ph. tiện	100	hộ nghèo
		Giá trị %/ph. tiện	70	hộ khác
3.	Mức hỗ trợ cho 01 thiết bị, máy móc, công cụ	triệu đồng/ph. tiện	75	
C	TỔNG MỨC HỖ TRỢ/HỘ			
1.	Đối với vốn sự nghiệp	triệu đồng/hộ	03	2006-2010
2.	Đối với vốn đầu tư phát triển	triệu đồng/hộ	04	2006-2010
D	CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI ĐẠO DỰ ÁN			
1.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	% vốn D.A tỉnh	02	
2.	Ban quản lý Chương trình 135 huyện	% vốn D.A huyện	02	
3.	Xã dự án Chương trình 135	triệu đồng/năm	05	

Chú thích:

- Đối với hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất và chế biến bảo quản sản phẩm: số lượng hộ nghèo trong nhóm chiếm tỷ lệ tối thiểu không dưới 70%.

- Tổng mức hỗ trợ tối đa/hộ cho cả giai đoạn 2006-2010 không quá 3 triệu đồng/hộ (trừ trường hợp hộ được hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị, công cụ sản xuất và chế biến thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển mức hỗ trợ tối đa 4 triệu đồng).